

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 29- 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhân- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Thị H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1971 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, huyện A1, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông Đỗ Xuân Q (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1939, có chồng là Đỗ Hữu V, sinh năm 1974 (đã ly hôn), có 02 con: Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giữ ngày 29 tháng 8 năm 2017, tạm giữ từ ngày 30 tháng 8 năm 2017, tạm giam từ ngày 07 tháng 9 năm 2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 29 tháng 8 năm 2017, Công an huyện A kết hợp với Công an xã A kiểm tra quán cà phê T ở Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng do Đỗ Thị H làm chủ. Lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang tại phòng số 04 của quán có Trịnh Thị H, sinh năm 1979; ĐKTT: Phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa đang bán dâm cho Chung Thanh Q, sinh năm 1997; ĐKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng và bắt quả tang tại gác lửng phòng số 04

của quán có Lê Thị T, sinh năm 1974; ĐKTT: Đường G, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội đang bán dâm cho Nguyễn Văn M, sinh năm 1996, ĐKTT: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vật chứng thu giữ gồm: 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 96 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP và số tiền 240.000đ.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đỗ Thị H về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Thị H khai nhận: Năm 2016, H thuê nhà của ông Trần Văn O, sinh năm 1969 ở Thôn V, xã A, huyện A, Hải Phòng làm quán kinh doanh cà phê, nước giải khát. Đến tháng 4 năm 2017, H nảy sinh ý định chứa mại dâm để kiếm thêm thu nhập. Quán có hai nhân viên nữ bán dâm là Trịnh Thị H và Lê Thị T. H thỏa thuận với gái bán dâm, mỗi lần khách vào mua dâm H thu 200.000đ, gái bán dâm được hưởng 100.000đ, H hưởng 100.000đ. H trực tiếp mua bao cao su để nhân viên sử dụng bán dâm cho khách.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29 tháng 8 năm 2017, H đang ở quán cùng với T và H thì có Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 ở thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng đến quán ngồi uống nước. Khoảng 05 phút sau có Chung Thanh Q và Nguyễn Văn M vào uống nước. Lúc này, Đ hỏi H: “Ở đây có nhân viên không?”. H hiểu ý Đ hỏi là có gái bán dâm không nên trả lời “Có” và bảo T dẫn Đ lên gác lửng của phòng số 04 để bán dâm. Ngay lúc đó, Q bảo H cho em một nhân viên, H hiểu là bố trí gái bán dâm cho Q nên bảo H đưa Q vào phòng số 04 để bán dâm. Sau khi Đ mua dâm xong đi ra quầy lễ tân trả cho H 240.000đ gồm 200.000đ tiền mua dâm và 40.000đ tiền nước. Lúc này M bảo H “cho em một nhân viên”. H lại bảo T đưa M lên gác lửng phòng số 04 để bán dâm. Trong khi Q và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm, M và T đang chuẩn bị mua bán dâm thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. H chưa kịp thu tiền mua dâm của Q và M. Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận từ tháng 4 năm 2017 đến khi bị bắt giữ, bị cáo đã bố trí cho H và T bán dâm tại quán cà phê T 05 lần, hưởng lợi khoảng 500.000đ, nhưng không nhớ cụ thể H và T mỗi người bán dâm bao nhiêu lần và không nhớ số tiền đã chia cho H và T.

Công bố lời khai của những người làm chứng có nội dung như bị cáo khai nhận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Thị H phạm tội “Chứa mại dâm” và áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Đỗ Thị H từ 05 đến 06 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt tiền bị cáo 5.000.000đ đến 7.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 96 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ và tạm giữ số tiền 40.000đ thu giữ của Đỗ Thị H để đảm bảo cho việc thi hành án. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 500.000đ thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận của bị cáo Đỗ Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập hồi 16 giờ 50 ngày 29 tháng 8 năm 2017, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Thị H đã có hành vi dùng địa điểm kinh doanh do bị cáo quản lý cho ba đôi trai gái thực hiện việc mua bán dâm nên đã vi phạm Điều 254 Bộ luật Hình sự 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Đỗ Thị H đã có hành vi cho Trịnh Thị H và Lê Thị T bán dâm tại quán cà phê T 06 lần nên hành vi của bị cáo là “phạm tội nhiều lần” vi phạm điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015, quy định về tội Chứa mại dâm (Khoản 2 Điều 327) có mức hình phạt nhẹ hơn (Khoản 2 Điều 254) Bộ luật hình sự năm 1999. Nên áp dụng Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 để xử lý bị cáo. Hành vi “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với hành vi “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó xử lý bị cáo Đỗ Thị H theo điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn hóa, đạo Đ xã hội, nếp sống văn minh gây mất trật tự xã hội, gây nên dư luận xấu ở địa phương. Mại dâm là một tệ nạn xã hội, việc mua bán dâm là một trong những nguyên nhân lây nhiễm các căn bệnh nguy hiểm như giang mai, H liêu, đặc biệt là căn bệnh HIV/AIDS. Do đó, cần phải

xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có bố để tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên khi lượng hình cần áp dụng điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, đang nuôi con nhỏ nên phạt tiền bị cáo ở mức khởi điểm là phù hợp

[4] Về xử lý vật chứng: 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng, 96 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP là vật chứng của vụ án, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 200.000đ thu giữ của bị cáo là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 40.000đ là tiền thu nhập hợp pháp của bị cáo nên tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 500.000đ thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị H phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đỗ Thị H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Áp dụng khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt tiền bị cáo 5.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999:

Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 96 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ thu giữ của bị cáo Đỗ Thị H.

Tạm giữ số tiền 40.000đ thu của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2018).

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 500.000đ thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh

